TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2024/DS-ST
Ngày: 04 - 7 - 2024
V/v: "Tranh chấp dân sự về Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Trần Văn Hân Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Liêu Khăng.

2. Ông Phan Minh Quốc.

***- Thư ký phiên toà*:** bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lam Em - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2024/TLST-DS ngày 04/4/2024 về việc "Tranh chấp dân sự về Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2024/QĐXXST-DS ngày 03/6/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trần Thị D, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày: vào năm 2020, bà Trần Thị D (sau đây gọi là bà D) có tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Thị Kiều O (sau đây gọi là bà O) làm chủ hụi, gồm:

Dây hụi thứ 1: hụi 1.000.000 đồng/tháng (mỗi tháng mở hụi 01 lần), hụi mở ngày 26/02/2023 gồm 26 phần. Bà D tham gia 01 phần và góp được 09 lần với tổng số tiền 6.180.000 đồng.

Dây hụi thứ 2: hụi 3.000.000 đồng/tháng (mỗi tháng mở hụi 01 lần), hụi mở ngày 15/4/2023 gồm 27 phần. Bà D tham gia 01 phần và góp được 06 lần với tổng số tiền 13.180.000 đồng.

Ngày 15/4/2023, bà O bán cho bà D 01 phần hụi trong dây hụi 3.000.000 đồng (dây hụi thứ 2). Bà O tính đến khi kết thúc hụi là 57.500.000 đồng; bà D đồng ý mua phần hụi này và đã giao cho bà O số tiền 57.500.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền hụi bà O nợ bà D là 76.860.000 đồng. Đến ngày 26/9/2023, bà O bể hụi bỏ nhà đi. Ngày 28/9/2023, bà O trở về trả cho bà D được 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Ngay lúc đó, bà O ký chốt lại số tiền hụi còn nợ bà D là 74.860.000 đồng. Mặc dù bà D nhiều lần đến nhà yêu cầu trả nợ nhưng bà O cố tình né tránh, không thực hiện. Nay bà D yêu cầu bà O phải trả số tiền hụi còn nợ là 74.860.000 đồng (bảy mươi bốn triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi suất 10%/năm kể từ ngày 15/4/2023 đến khi xét xử.

Tại tờ tự khai (không ghi ngày, tháng, năm) bà Nguyễn Thị Kiều O trình bày: tôi tên Nguyễn Thị Kiều O, sinh 1987; địa chỉ ấp P, xã T, huyện T, tỉnh An Giang. Tôi có thiếu tiền hụi của bà Trần Thị D với số tiền 74.860.000 đồng (bảy mươi bốn triệu, tám trăm sáu chục nghìn đồng). Tôi xin trả trước 11.300.000 đồng (mười một triệu, ba trăm nghìn đồng). Phần nợ còn lại trả dần mỗi tháng 01 triệu đồng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về thủ tục tố tụng:* qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không lý do nên vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 25, Điều 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường, tuyên:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền hụi 74.860.000 đồng và lãi suất 10%/năm kể từ ngày 15/4/2023 cho đến khi xét xử.

+ Bị đơn nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hụi còn nợ là 74.860.000 đồng. Vì vậy, quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp dân sự về Hợp đồng góp hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều O có địa chỉ tại xã T, huyện T, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Kiều O đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập, bà O đều vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà O theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: giữa bà Trần Thị D với bà Nguyễn Thị Kiều O có thỏa thuận hợp đồng góp hụi. Theo đó, bà O làm chủ hụi có trách nhiệm thu các phần hụi do hụi viên đóng và giao các phần hụi đó cho hụi viên được hốt cho tới khi kết thúc hụi. Kỳ khui hụi mỗi tháng một lần, theo hình thức bốc thăm, người nào trả lãi cao nhất sẽ được hốt hụi. Bà D tham gia 02 dây hụi (dây hụi mở ngày 26/02/2023 và dây hụi mở ngày 15/4/2023) và mua 01 phần hụi của bà O (dây hụi 3.000.000 đồng/tháng). Do bà O bị bể hụi nên bà D yêu cầu bà O trả số tiền 74.860.000 đồng và lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 15/4/2023.

[4] Tại tờ tự khai, bị đơn bà O thừa nhận còn nợ bà D tiền hụi là 74.860.000 đồng nhưng xin trả trước 11.300.000 đồng (mười một triệu, ba trăm nghìn đồng); phần nợ còn lại trả dần mỗi tháng 01 triệu đồng. Mặc dù bà O xin trả nợ với phương thức nêu trên nhưng đến nay vẫn chưa trả cho bà D khoản tiền nào.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng, triệu tập bị đơn bà O để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời đối chiếu nợ nhưng bà O đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không lý do.

[6] Xét, giao dịch hụi giữa bà D và bà O là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên, phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015. Mặc dù bà D nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà O vẫn không thực hiện là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Bị đơn bà O thừa nhận còn nợ bà D số tiền hụi 74.860.000 đồng, xin được trả dần nhưng nguyên đơn không đồng ý.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bà D yêu cầu bà O trả số tiền hụi 74.860.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Nguyễn Thị Kiều O có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị D số tiền 74.860.000 đồng.

[7] Xét về lãi suất: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất 10%/năm trên số tiền gốc 74.860.000 đồng, kể từ ngày 15/4/2023 đến ngày xét xử (ngày 04/7/2024).

Tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định: *"Lãi suất trong họ có lãi do các thành viên của dây họ thỏa thuận hoặc do từng thành viên đưa ra để được lãnh họ tại mỗi kỳ mở họ nhưng không được vượt quá 20%/năm của tổng giá trị các phần họ phải góp trừ đi giá trị các phần họ đã góp trên thời gian còn lại của dây họ…".*

Tại Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định: *"….Lãi suất phát sinh do chậm góp hoặc chậm giao phần họ được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này của số tiền chậm trả trên thời gian chậm trả, nếu không có thỏa thuận thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này của số tiền chậm trả trên thời gian chậm trả".*

Xét, các bên không thỏa thuận về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ nên căn cứ Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, Hội đồng xét xử chấp nhận với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,833%/tháng). Tiền lãi được tính từ ngày 15/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/7/2024) là 14 tháng 19 ngày. Nguyên đơn tự nguyện giảm bớt thời gian tính lãi theo hướng có lợi cho bị đơn, làm tròn là 14 tháng. Như vậy, lãi suất được tính như sau: (tiền gốc 74.860.000 đồng x 0,833%) x 14 tháng = 8.730.173 đồng (tiền lãi).

Tổng số gốc và lãi là: (74.860.000 đồng + 8.730.173 đồng) = 83.590.173 đồng. Do đó, buộc bà Nguyễn Thị Kiều O phải trả cho bà Trần Thị D số tiền gốc, lãi là 83.590.173 đồng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kiều O bị buộc trả số tiền nêu trên nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị D thuộc trường hợp người cao tuổi (có đơn xin miễn tạm ứng án phí) nên được miễn tiền tạm ứng án phí, quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 22, Điều 23, Điều 25, Điều 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D đối với bà Nguyễn Thị Kiều O.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Kiều O có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị D số tiền 83.590.173 đồng (tám mươi ba triệu, năm trăm chín mươi nghìn, một trăm bảy mươi ba đồng).

1.2. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị Kiều O phải chịu 4.179.509 đồng (bốn triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm lẻ chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Trần Thị D thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hân Em